TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 06-01-2026
V/v Tranh chấp cấp dưỡng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Thẩm phán: 1. Bà Quách T Bình;

2. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Thúy Ái, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2025/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về Tranh chấp cấp dưỡng.

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 456/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7084/2025/QĐPT-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: số 85/98 đường Bùi Minh Trực, Phường A, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 85/98 đường Bùi Minh Trực, phường Bình Đông, Thành phố Hồ Chí Minh). (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lâm Thái T T, sinh năm 1995

Địa chỉ: E-601 Block E, Chung cư Ehomes Nam Sài Gòn, ấp 20, xã A, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh (E-601 Block E, Chung cư Ehomes Nam Sài Gòn, ấp 20, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2025, Đơn sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện ngày 26/5/2025 và trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Minh T – là nguyên đơn trình bày*:

Ông T và bà Lâm Thái T T trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 525/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 8 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10), Thành phố Hồ Chí Minh; theo Quyết định nói trên, ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Lâm T Trúc, sinh ngày 19/3/2021 mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng. Hiện nay ông đang công tác bên ngành Công an, lương mỗi tháng 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng, sau khi trả gốc và lãi cho ngân hàng mỗi tháng 9.500.000 (chín triệu năm trăm ngàn) đồng thì ông không còn khả năng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng như trước đây nên ông làm đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng từ 5.000.000 (năm triệu) đồng xuống còn 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng. Ngoài ra, ông T có đề nghị nếu bà T không có khả năng thì giao con chung cho ông nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

* Bà Lâm Thái T T – bị đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh T đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 525/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 8 (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10), Thành phố Hồ Chí Minh; theo Quyết định nói trên, ông T cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Nguyễn Lâm T Trúc, sinh ngày 19/3/2021 mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng. Tuy nhiên, từ tháng 01/2025 đến nay, bà không nhận được bất kỳ tiền cấp dưỡng nuôi con nào từ phía ông T, nay ông T yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi chung từ 5.000.000 (năm triệu) đồng xuống còn 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng bà không đồng ý, bởi lẽ ngoài công việc ông T đang làm bên Công an với mức lương mỗi tháng là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng thì ông T còn thu nhập bên ngoài mỗi tháng khoảng 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; theo bà T thì ông T vẫn đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con ở mức 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng theo như Quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

Ngoài ra, bà T còn trình bày hiện bà đang làm kinh doanh tự do thu nhập không ổn định nên cần số tiền cấp dưỡng 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng của ông T để đảm bảo cuộc sống cho con đầy đủ và ổn định, hiện tại mức học phí (lớp Mầm) của bé Trúc mỗi tháng dao động trong khoảng 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, phí dịch vụ chung cư và tiền điện nước mà bà và bé Trúc đang sinh sống ở căn hộ là khoảng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng và tiền chi tiêu sinh hoạt cho bé Trúc mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 456/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 107, Điều 110 và Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Buộc ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Lâm T Trúc (giới tính Nữ), sinh ngày 19/3/2021 mỗi tháng là 2.480.000 (hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2025 bà Lâm Thái T T kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thái T T đồng thời đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Bà Lâm Thái T T là bị đơn đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận; đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Lâm Thái T T còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét đơn kháng cáo nhận thấy:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 525/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10,Thành phố Hồ Chí Minh) thể hiện ông Nguyễn Minh T và bà Lâm Thái T T thỏa thuận giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lâm T Trúc, sinh ngày 19/3/2021, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng.

Sau khi ly hôn, ông T cấp dưỡng nuôi con đến hết tháng 12/2024 thì không thực hiện nữa với lý do ông có vay tiền Ngân hàng, lương mỗi tháng 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng, sau khi trả gốc và lãi cho Ngân hàng thì ông không còn khả năng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Căn cứ sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Chánh thể hiện ông T được trả lương hàng tháng dao động từ khoảng 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng đến 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng, ngoài ra ông T không có nguồn thu nhập nào khác từ lương.

Căn cứ vào Thư xác nhận ngày 05/8/2025 của Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN VIỆT NAM - Chi nhánh Biên Hòa thể hiện ông T có trả gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng từ tháng 9/2024 đến tháng 7/2025, cụ thể: Trả gốc dao động từ 6.126.948 (sáu triệu một trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi tám) đồng đến 6.666.667 (sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng và trả lãi dao động từ 2.269.151 (hai triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn một trăm năm mươi mốt) đồng đến 3.590.137 (ba triệu năm trăm chín mươi ngàn một trăm ba mươi bảy) đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định ông T đang thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền gốc và tiền lãi mỗi tháng cho Ngân hàng, nguồn chi trả từ tiền lương của ông T, nên hiện tại ông T đang khó khăn về mặt tài chính.

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*".

Con chung giữa ông T bà T là trẻ Nguyễn Lâm T Trúc hiện đang sinh sống tại xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo Hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu vùng tại nơi ông T đang cư trú là tại Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Đông, Thành phố Hồ Chí Minh) với mức là 4.960.000 (bốn triệu chín trăm sáu mươi ngàn) đồng/tháng.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hoàn cảnh, khả năng và thu nhập thực tế hiện nay của ông T sau khi trừ chi phí trả ngân hàng nên buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Lâm T Trúc mỗi tháng là 2.480.000 (hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng (1/2 mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú) là có cơ sở và phù hợp.

Bà T cho rằng số tiền đóng học phí của trẻ Trúc (đang học lớp Mầm) mỗi tháng dao động là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, phí dịch vụ chung cư và tiền điện nước mà bà và trẻ Trúc đang sinh sống ở căn hộ khoảng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng và tiền chi tiêu sinh hoạt mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng; đây là tổng chi phí mà bà phải chi sinh hoạt cho con chung. Tuy nhiên, đây là chi phí mà cả bà T và ông T phải có trách nhiệm cùng nuôi dưỡng trẻ Trúc, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

Từ phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thái T T - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 456/2025/HNGĐ-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa và tuyên án ngày 16/9/2025. Ngày 30/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của bà Lâm Thái T T, căn cứ quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự thì Đơn kháng cáo của bà T còn trong hạn luật định nên có cơ sở xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Ông Nguyễn Minh T và bà Lâm Thái T T trước đây là vợ chồng. Ngày 10/7/2024, cả hai đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 525/2024/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; về phần con chung các bên thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Lâm T Trúc, giới tính Nữ, sinh ngày 19/3/2021 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Xét kháng cáo của bà Lâm Thái T T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định: "*2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*." và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con…*".

Theo lời khai của bà Lâm Thái T T và sự thừa nhận của ông Nguyễn Minh T thì hiện con chung Nguyễn Lâm T Trúc đang sống cùng với bà T, qua đối chiếu với các quy định viện dẫn trên thì việc bà T là người đang trực tiếp nuôi con yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở và phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Theo lời trình bày của bà T thì chi phí thực tế cho việc đi học và các khoản chi phí khác cho con chung từ khoảng 7.000.000 (bảy triệu) đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện trẻ T Trúc đang sống cùng với bà T tại Thành phố Hồ Chí Minh, dựa vào mức sinh hoạt T bình tại địa phương nơi trẻ cư trú thì mức cấp dưỡng 2.480.000 (hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng mỗi tháng để nuôi con chung là hợp lý, đảm bảo các nhu cầu cần thiết về ăn, ở, học tập của trẻ đồng thời phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của ông T; bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T cấp dưỡng nuôi trẻ T Trúc mỗi tháng 2.480.000 (hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng là phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu theo quy định.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên bà Lâm Thái T T phải chịu.

[4]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 107, Điều 110 và Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thái T T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 456/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Buộc ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Lâm T Trúc (giới tính Nữ), sinh ngày 19/3/2021 mỗi tháng 2.480.000 (hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0003944 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thái T T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0021403 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- TAND, VKSND, Phòng Thi hành án Khu vực 10 TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (T17).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi Cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan